TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/5/2018
"V/v Ly hôn giữa
Chị Đ và anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án thụ lý số 143/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2018/ QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Phan Thành L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh T.

(Chị Đ có mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2018, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Đ trình bày:

Chị và anh Phan Thành L tự nguyện chung sống năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Sơn năm 2009. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh L quản lý kinh tế gia đình và không cho tiền bạc cho chị tiêu xài, chị phải tự làm kiếm sống. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thành L.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Phan Thị Tường T, sinh ngày 27/02/2006 và Phan Hoài Th, sinh ngày 29/7/2010. Chị tự nguyện để anh L nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Phan Thành L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Ngô Thị Đ về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị Đ xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương chị Đ, anh muốn chị Đ cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm.

- Về con chung: Có 02 con chung Phan Thị Tường T, sinh ngày 27/02/2006 và Phan Hoài Th, sinh ngày 29/7/2010. Anh yêu cầu được nuôi con, anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đ vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh L. Anh L có địa chỉ tại địa bàn huyện C nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

Anh Phan Thành L vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Thành L.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Đ và anh L có đăng ký kết hôn năm 2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận là vợ chồng, chị Đ xin ly hôn với anh L căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đ và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, anh L nắm giữ kinh tế và tự anh lo sinh hoạt gia đình, anh L không cho tiền chị Đ chi tiêu mà chị Đ phải tự đi làm kiếm sống. Do có quá nhiều mâu thuẫn nên chị Đ bỏ nhà ra đi và anh chị đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Ngày 20/3/2018 chị Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh L Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không được. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Chị Đ được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phan Thị Tường T, sinh ngày 27/02/2006 và Phan Hoài Th, sinh ngày 29/7/2010. Cháu T và cháu Th trình bày là hai cháu muốn sống chung với cha. Hội đồng xét xử nhận thấy hai cháu có nguyện vọng được sống chung với cha và chị Đ cũng đồng ý để hai cháu cho anh L nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu T và cháu Th cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Ngô

Thị Đ được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Anh L chưa yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh L tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Ngô Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Đ**.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Phan Thành L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Tường T, sinh ngày 27/02/2006 và Phan Hoài Th, sinh ngày 29/7/2010 cho anh Phan Thành L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ngô Thị Đ được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Đ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 15420

ngày 28/3/2018 của Chi cục T hành án dân sự huyện C, chị Đ đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- UBND xã S;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan